

KẾ HOẠCH

Về các khoản thu – chi năm học 2024 - 2025

Căn cứ công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 5109/UBND-GDĐT ngày 09 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024 – 2025 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Quận 6;

Căn cứ vào yêu cầu thực tế tổ chức các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ năm học 2024 - 2025. Trường Mầm non Rạng Đông 8 xây dựng Kế hoạch thu - chi như sau:

I. PHẦN THU:

1. Thu học phí: Áp dụng mức thu học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí năm học 2024-2025 như sau:

Nhà trẻ: 200.000 đồng/học sinh/tháng

Mẫu giáo:

- 3 – 4 tuổi (Khôi mầm và chồi): 160.000 đồng/học sinh/tháng
- 5 tuổi (Khôi lá): Miễn thu học phí

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết 13/2024/NQ-HĐND:

2.1. Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú: 395.000 đồng/học sinh/tháng, trong đó:

- Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú: 355.500 đồng/học sinh/tháng
- Tiền vệ sinh bán trú: 39.500 đồng/học sinh/tháng

2.2. Thu tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng: 150.000 đồng/học sinh/tháng.

2.3. Tiền dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu: 40.000 đồng/học sinh/năm

3. Các khoản thu cá nhân học sinh:

3.1 Tiền ăn trưa bán trú: 36.000 đồng/học sinh/ngày

3.2 Tiền ăn sáng: 16.000 đồng/học sinh/ngày

3.3 Tiền nước uống (I-on Life): 15.000 đồng/học sinh/tháng

3.4 Tiền học phẩm: 50.000 đồng/học sinh/năm

3.5 Tiền học cụ - học liệu: 400.000 đồng/học sinh/năm

3.6 Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: 300.000 đồng/học sinh/năm.

4. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác:

4.1. Năng khiếu:

Môn Vẽ: 90.000 đồng/học sinh/tháng

Môn Nhịp điệu: 90.000 đồng/học sinh/tháng

Môn Anh văn: 90.000 đồng/học sinh/tháng

Môn Kỹ năng sống: 80.000 đồng/học sinh/tháng

PHẦN CHI

1. Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú:

a) Tiền quản lý bán trú:

- **2% Đóng thuế TNDN**

- **88% chi Phục vụ quản lý bán trú như sau:**

- Chi lương nhân viên y tế trường ký hợp đồng khoán: **3.000.000 đồng/tháng**
- Chi lương hợp đồng và các khoản đóng góp theo quy định (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)

- **Chi phụ cấp kiêm nhiệm cụ thể đối với công việc như sau:**

+ Công tác Hội chữ thập đỏ	: 50.000 đồng/tháng
+ Bồi dưỡng tính khẩu phần	: 50.000 đồng/tháng
+ Phụ rửa chén	: 50.000 đồng/tháng
+ Thủ quỹ	: 100.000 đồng/tháng
+ Thủ kho vệ sinh	: 100.000 đồng/tháng
+ Thủ kho thực phẩm	: 100.000 đồng/tháng
+ Tổ trưởng tổ cấp dưỡng	: 100.000 đồng/tháng

- **Chi bồi dưỡng như sau:**

+ Bồi dưỡng viết+ in hoá đơn	: 200.000 đồng/tháng
+ Bồi dưỡng báo cáo thuế TNCN	: 100.000 đồng/tháng
+ Bồi dưỡng cho viên chức không được hưởng theo NQ04:	
+ Thời gian công tác dưới 3 năm	: 300.000đ/người/tháng
+ Thời gian công tác từ 3 năm trở lên	: 500.00đ/người/tháng

➔ Thời gian hưởng bồi dưỡng : tối đa 9 tháng/ năm

Sau khi chi tất cả các khoản chi trên, còn lại chi như sau:

- **60% chi cho CB-CV-NV biên chế**, theo tỷ lệ :

+Hiệu trưởng:	1,3
+Hiệu phó :	1.2
+Kế toán :	1,1
+Giáo viên :	1,0
+Giáo viên tập sự:	0,9
+Văn thư :	0,9

Chi thực tế theo số ngày làm việc.

- **40% chi hoạt động theo cơ chế tự chủ gồm:** tiền điện, nước, điện thoại, cáp, tiền đồ rác,

mua văn phòng phẩm, mua hóa đơn, thiết bị văn phòng, sửa chữa điện nước, báo giáo dục, báo người lao động, sách chuyên môn, tập huấn công tác PCCC, chi các hoạt động khác,.....

- Cuối năm tài chính, sau khi xác định thu lớn hơn chi, số chênh lệch còn lại sẽ trích 40% cải cách tiền lương và trích lập các loại quỹ và chi tăng thu nhập căn cứ theo nội dung quy định tại chương III.

b) 10% Vệ sinh phí chi:

Chi giấy vệ sinh để học sinh sử dụng.

Chi xà bông, dung dịch rửa tay của học sinh.

Chi xà bông, dung dịch tẩy rửa nhà vệ sinh học sinh.

Chi xà bông, dung dịch tẩy rửa lớp học, thuốc diệt côn trùng cho phòng ngủ.

Chi mua kem đánh răng, bàn chải đánh răng, khăn lau mặt của học sinh.

Chi mua bao đựng rác, thùng rác trong lớp học.

Chi tiền mua dụng cụ chà rửa lớp học, nhà vệ sinh học sinh.

Chi xà bông, dung dịch xả thơm khăn.

Chi nước lau sàn và nước lau kính trong lớp học.

Chi các hoạt động sự nghiệp khác mang tính chất phục vụ vệ sinh cho học sinh.

Cuối năm tài chính, sau khi xác định thu lớn hơn chi, số chênh lệch còn lại sẽ trích 40% cải cách tiền lương và trích lập các loại quỹ căn cứ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021.

2. Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng:

2% đóng thuế TNDN

90% chi tiền quản lý ăn sáng cho CB-GV-CNV được chi như sau:

Hiệu trưởng : 1,3

Phó Hiệu trưởng : 1,2

Kế toán : 1,1

Giáo viên, Văn thư: 1,0

Chi theo số ngày thực tế làm việc.

8% chi hoạt động theo cơ chế tự chủ

3. Tiền dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu: Thanh toán tiền khám sức khỏe học sinh và nộp các khoản thuế theo qui định của Nhà nước

4. Tiền ăn trưa bán trú: chi theo tiêu chuẩn trong ngày (trích 150 đồng/học sinh/ngày hỗ trợ tiền nước sinh hoạt).

5. Tiền ăn sáng: chi theo tiêu chuẩn trong ngày.
6. Tiền nước uống: Hiệu I-on life thu đủ chi (nếu có dư sẽ không thu)
7. Tiền học phẩm: chi mua giấy, giấy màu, bút chì màu, keo dán...
8. Tiền học cụ - học liệu: chi mua học cụ, học liệu trong danh mục đồ dùng, đồ chơi, sách vở, thiết bị dạy học cho trẻ.

9. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú:

Dùng để mua sắm bổ sung các đồ dùng phục vụ bán trú cho trẻ như: gồm nệm, chăn, gối, khăn mặt, bát, đĩa, khay, đũa, muỗng, ly, cốc....phục vụ học sinh bán trú.

10. Năng khiếu

❖ Đối với môn Anh Văn và Môn Vẽ:

- 68% chi trả cho Trung tâm dạy
- 2% đóng thuế TNDN
- 20% chi cho CB-GV-CNV với mức chi như sau:
 - 5% chi cho BGH, giáo viên nhà trẻ, Kế toán, Văn thư kiêm thủ quỹ tỷ lệ chi như sau:

+ Hiệu trưởng :	1.4
+ Phó Hiệu trưởng:	1.2
+ Kế toán:	1.2
+ Văn thư kiêm thủ quỹ :	1.0
+ Giáo viên nhà trẻ :	0.3
 - 15% chia cho Giáo viên mẫu giáo (theo sĩ số lớp)

Riêng CB – GV – CNV tham gia công tác hè thì chi thực tế theo số ngày làm việc.

• 10% chi hoạt động thực hiện cơ chế tự chủ

Cuối năm tài chính, sau khi xác định thu lớn hơn chi, số chênh lệch còn lại sẽ trích 40% cải cách tiền lương và trích lập các loại quỹ và tăng thu nhập căn cứ theo nội dung quy định tại chương III.

❖ Đối với Môn Nhịp điệu:

- 58% chi trả cho Trung tâm dạy

- **2%** đóng thuế TNDN
- **20%** chi cho CB-GV-CNV với mức chi như sau:
 - **5%** chi cho BGH, giáo viên nhà trẻ, Kế toán, Văn thư kiêm thủ quỹ, tỷ lệ chi như sau:
 - + Hiệu trưởng : 1.4
 - + Phó Hiệu trưởng : 1.2
 - + Kế toán : 1.2
 - + Văn thư kiêm thủ quỹ : 1.0
 - + Giáo viên nhà trẻ : 0.3
 - **15%** chia cho Giáo viên mẫu giáo (theo sĩ số lớp)

Riêng CB – GV – CNV tham gia công tác hè thì chi thực tế theo số ngày làm việc

- **20%** chi hoạt động theo cơ chế tự chủ

Cuối năm tài chính, sau khi xác định thu lớn hơn chi, số chênh lệch còn lại sẽ trích 40% cải cách tiền lương và trích lập các loại quỹ và tăng thu nhập căn cứ theo nội dung quy định tại chương III.

II. CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU:

Nhà trường thực hiện công khai mức thu học phí và các khoản thu khác theo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính và Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

III. CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Căn cứ công văn số 5109/UBND-GDĐT ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện

chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Quận 6.

Thực hiện theo Công văn số 1406/SGDĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên đây là kế hoạch thu chi của trường Mầm non Rạng Đông 8. Kế hoạch được triển khai đến toàn thể CB – GV - NV nhà trường và trong cuộc họp CMHS đầu năm học để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Q6;
- CB-GV-NV nhà trường;
- Hội CMHS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Ngọc Bích

